TAND HUYỆN TIÊN LỮ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST Ngày: 22/ 11/ 2019 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Hiển và bà Vũ Thị Toan

***-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thơm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1981. *Vắng mặt*

Địa chỉ: xóm 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

***Bị đơn:** Anh Vũ Quốc B, sinh năm 1974. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Anh B và chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Vũ Thị H, sinh ngày 26/11/2006 "vắng mặt"

Người đại diện theo pháp luật cho cháu H là anh B, chị N – Bố, mẹ đẻ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Quốc B có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 27/4/2001. Sau khi cưới, anh chị sống cùng với gia đình anh B tại xã H. Vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 10 năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình. Năm 2012, chị và anh B sống ly thân, đến nay đã là khoảng thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không thể tháo gỡ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Anh Vũ Quốc B thống nhất với lời khai của chị N về thời điểm đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với chị N do anh chị không còn tình cảm và mang lại hạnh phúc cho nhau.

Về con chung: Anh B và chị N đều xác định vợ chồng có hai con chung là Vũ Phúc H, sinh ngày 04/11/2001 và Vũ Thu H, sinh ngày 26/11/2006. Hiện cháu H đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H, khi ly hôn chị N và anh B thống nhất để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh B mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Xác minh tại UBND xã H được biết anh B và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện anh chị đã không còn chung sống với nhau từ lâu. Anh B và chị N chị có 02 con chung như anh chị trình bày.

Tại phiên toà hôm nay anh B và chị N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung của vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Chị N và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị nhất trí ly hôn. Về con chung: Đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh B và chị N khi ly hôn anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh B mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Quốc B có nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Anh B và chị N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quốc B và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã H theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 27/4/2001. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không còn chung sống cùng nhau từ năm 2012 cho đến nay. Điều này phù hợp với lời khai của người thân anh chị cũng như xác minh tại chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đều tự khai nhận là nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, do anh B vắng mặt tại các phiên họp và hòa giải nên HĐXX cho chị N được ly hôn với anh B.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Phúc H, sinh ngày 04/11/2001 và Vũ Thu H, sinh ngày 26/11/2006. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N nhất trí để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu H khi ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh B mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ nần: Anh chị không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS:

2. Xử:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Vũ Quốc B.

2.2.Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N đồng ý để anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Thu H, sinh ngày 26/11/2006. Chị N cấp

dưỡng nuôi cháu H đối với anh B mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thành niên và tự lập được. Chị N được quyền thăm nom cháu H, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004462 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên, bị đơn. Báo cho nguyên, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-UBND xã H
(GCNKH số 18/2001);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Thụy Lôi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA